TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:108/2022/HNGĐ-ST Ngày: 15-08-2022. V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm: 1999 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, Xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Lê Hồng T, sinh năm: 1995 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 288, Ấp H, Xã L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2022, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:* Chị N và anh T tự tìm hiểu được khoảng 03 đến 04 năm và được gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã L, huyện Thanh Bình ngày 14/4/2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng cùng đi làm công nhân ở Long An và sống

hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng ý kiến, thường hay cự cải, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh T bỏ về quê sống và ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì không có gặp mặt để hàn gắn tình cảm. Hiện nay chị N đang làm công nhân công ty thực phẩm ở Long An, mỗi tháng thu nhập hơn 6.000.000đ, do làm công nhân ăn lương theo sản phẩm. Về con chung có 01 người con tên Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/7/2017, hiện do anh T nuôi dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận xong, nợ chung không có.

Nay chị N yêu cầu: Về hôn nhân yêu cầu ly hôn với anh T, con chung thống nhất giao cháu Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/8/2017 cho anh Lê Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến trưởng thành đủ 18 tuổi, chị N thống nhất cấp dưỡng theo mức quy định của pháp luật. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Hồng T trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, anh T và chị N cùng đi làm công nhân ở Long An, sau đó anh T không đồng ý làm công nhân mà kêu chị N về quê sống nhưng chị N không chịu, anh T bỏ về quê sống từ ngày 20/4/2019 và đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì có điện thoại nhắn tin, nhưng cả hai không có gặp nhau để hàn gắn và gia đình hai bên cũng không có tác động để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ngoài ra thì không có mâu thuẩn gì khác. Lúc trước anh T làm công nhân Công ty Hai Nắm, ở An Phong, bình quân mỗi tháng thu nhập khoảng 5.400.000đ - 5.600.000đ. Về con chung có 01 người con tên Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/7/2017, hiện do anh T nuôi dưỡng. Tài sản chung anh T yêu cầu chị N chia 2 tài sản chung mỗi người nhận ½ tài sản chung có giá trị 10.710.000đ, anh T đang giữ 0,3 chỉ vàng 18kra, giá trị là 1.020.000đ, yêu cầu chị N trả lại cho anh T số tiền 9.690.000đ, nợ chung không có.

Nay anh T yêu cầu: Về hôn nhân không thống nhất ly hôn với chị N, con chung thống nhất nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/8/2017, yêu cầu chị N cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng với số tiền là 3000.000đ/tháng. Tài sản chung đã tự thỏa thuận xong và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, con chung thống nhất giao cháu Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/8/2017 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành, thống nhất tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Lê Hồng T thống nhất ly hôn với chị N, con chung yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tài sản chung đã tự thỏa thuận và xin rút lại đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung không yêu cầu.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, về hôn nhân công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N đối với anh Lê Hồng T, con chung giao cháu Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/8/2017 cho anh T nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ý với mức cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Hồng T, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp H, Xã L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân mâu thuẩn dẫn đến ly hôn bất đồng quan điểm sống, anh T bỏ về quê sống, còn chị N đi làm công nhân ở Long An và ly thân từ năm 2019 đến nay, nhưng chị N và anh T không tìm cách hàn gắn tình cảm không gặp mặt và gia đình hai bên cũng không có tác động để hàn gắn tình cảm của anh chị.

Tại phiên tòa chị N và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn giữa chị N và anh T trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được, do đã ly thân hơn 03 năm mà anh chị vẫn không hàn gắn được và chị N, anh T thống nhất thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận

tình ly hôn giữa chị N và anh T, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có một người con chung tên Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/8/2017, đang sống chung với anh T và do anh T nuôi dưỡng.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị N và anh T thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung, chị N giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh T về việc nuôi con chung, tiếp tục giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N và anh T thống nhất thỏa thuận cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng mỗi tháng theo quy định pháp luật. Do chị N và anh T tự nguyện thỏa thuận mức cấp dưỡng cho con và phù hợp với quy định tại Điều 107, 110,116 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con giữa chị N và anh T là ½ tháng lương cơ sở, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày xét xử ngày 15/8/2022.

[2.4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, do anh T và chị N đã tự thỏa thuận xong, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị N phải nộp thêm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Bị đơn anh Lê Hồng T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa của chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Lê Hồng T.

2. Con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh T về việc nuôi con chung.

Giao cháu Lê Nguyễn N, sinh ngày 05/8/2017 cho anh Lê Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị Cẩm N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Lê Nguyễn N với mức cấp dưỡng mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/8/2022 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Cẩm N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Hồng T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị Nguyễn Thị Cẩm N.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Lê Hồng T đối với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

4. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010153 ngày 12/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp thêm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Bị đơn anh Lê Hồng T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp là 535.000đ (*Năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010237 ngày 02/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2022).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi

hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- UBND Xã L, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ